TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: **166/**2020/HS-PT
Ngày: 16-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**

Các thẩm phán: Ông **Lê Tự**

Ông **Đặng Kim Nhân**

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 137/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 3 năm 2020. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2019/HS-ST ngày 24/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Bị cáo có kháng cáo:

Võ Thị Mỹ H, sinh ngày: 20/12/1991; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: huyện S, tỉnh Phú Yên; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; con ông Võ Văn Q (chết) và bà Nguyễn Thị L (chết); có chồng Lê Đình C, sinh năm 1991 (đã ly hôn) và 01 con, sinh ngày 06/12/2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày: 21/02/2019; có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị Mỹ H theo yêu cầu của bị cáo:* Ông Nguyễn Hoài P - Luật sư, Chi nhánh Văn phòng Luật sư B, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: tỉnh Khánh Hoà. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 04/2017, Võ Thị Mỹ H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đưa ra thông tin gian dối đang mua bán tổ yến lợi nhuận cao, có nhiều đơn đặt hàng, cần vốn để kinh doanh. H rủ nhiều người góp tiền mua bán tổ yến, hứa sẽ trả tiền góp và tiền lợi nhuận đầy đủ. Thực tế, H không mua bán tổ yến nhưng để tạo lòng tin, H tự đặt ra đơn hàng và mức tiền lời rồi rủ người khác góp tiền, một số lần đầu H trả đầy đủ tiền góp và tiền lời. Tin lời H, từ tháng 04/2017 đến 06/2018, có 13 người đã đưa tiền cho H tổng số **4.643.000.000** đồng, H nhận tiền nhưng không mua bán tổ yến, không trả tiền góp và lợi nhuận như đã hứa mà chiếm đoạt, cụ thể:

Vụ thứ 1: Khoảng tháng 04/2017, H gọi điện thoại, nhắn tin nói với chị Lê Thị N T có nhiều đơn hàng nhưng thiếu vốn và rủ T góp tiền, H hứa sẽ trả đủ tiền góp, lợi nhuận. Những lần đầu, H thông báo đơn hàng số tiền ít, đúng hẹn trả tiền góp và tiền lời đầy đủ. Từ tháng 04/2017 đến tháng 12/2017, chị T đã nhiều lần đưa tiền và chuyển vào tài khoản ngân hàng A số 4605205166687 tên Võ Thị Mỹ H tổng số tiền là **218.000.000** đồng. H nhận tiền nhưng không mua bán tổ yến mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 2: Tin tưởng H có mua bán tổ yến, chị Lê Thị N T đã giới thiệu H với hai chị ruột là Lê Thị N AT và Lê Thị N T1. H cũng nói đang mua bán tổ yến lợi nhuận cao và rủ AT, T1 góp tiền, hứa sẽ trả đủ tiền góp vốn cộng với tiền lợi nhuận. Để AT, T1 tin tưởng, thời gian đầu H trả đầy đủ tiền góp vốn và tiền lợi nhuận như đã hứa, sau đó tiếp tục rủ AT, T1 góp tiền đưa cho H. Từ tháng 06/2017 đến 12/2017, các chị AT và T1 đồng ý đưa tiền góp vốn, H đã nhờ Huỳnh N T đến gặp AT nhận tiền 08 lần, tổng cộng **1.848.900.000 đồng** và gặp T1 nhận 04 lần, tổng cộng **795.000.000 đồng** đưa lại cho H. H không sử dụng mua bán tổ yến mà chiếm đoạt. Chị T1 phát hiện yêu cầu trả tiền thì H trả cho chị T1 **52.900.000 đồng.**

Vụ thứ 3: Khoảng tháng 9/2017, H gọi điện thoại, nhắn tin cho chị Nguyễn Thị Tuyết N nói đang mua bán tổ yến có lợi nhuận cao và rủ N góp tiền vốn mua bán tổ yến cùng chia lợi nhuận. Lần đầu H nói N góp 6.400.000 đồng, lợi nhuận là 1.400.000 đồng, đúng hẹn H đưa cho N 7.800.000 đồng. Lần thứ hai, H nói N góp 9.600.000 đồng, lợi nhuận là 2.100.000 đồng, đúng hẹn H đưa cho N 11.700.000 đồng. Sau đó, từ ngày 29/12/2017 đến ngày 20/4/2018 N đã 11 lần đưa tiền cho H, trong đó 07 lần đưa trực tiếp 331.000.000 đồng, H nhờ

Huỳnh Thị Hồng L nhận 03 lần 70.600.000 đồng và 01 lần chuyển 4.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng B số 59010000611175 tên Võ Thị Mỹ H, tổng số tiền là **405.600.000 đồng.** H nhận tiền không sử dụng mua bán tổ yến mà chiếm đoạt. Chị N phát hiện yêu cầu trả lại tiền thì H trả cho N **54.200.000 đồng.**

Vụ thứ 4: Khoảng tháng 06/2017, H gọi điện thoại, nhắn tin cho anh Nguyễn Trình Đ nói H đang mua bán tổ yến có lợi nhuận cao và nhiều lần rủ Đ góp tiền mua bán tổ yến, H nói gần tết âm lịch nếu góp tiền mua nhiều đơn hàng sẽ thu được lợi nhuận cao. Tin lời H, trong tháng 01/2018, Đ đã 02 lần đưa tiền cho H tổng cộng **131.000.000** đồng, trong đó H gặp trực tiếp nhận 56.000.000 đồng và nhờ Huỳnh Thị Hồng L nhận đưa lại cho H 75.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền H không sử dụng mua bán tổ yến mà chiếm đoạt. Anh Đ phát hiện yêu cầu trả tiền thì H trả cho Đ **74.450.000 đồng.**

Vụ thứ 5: Năm 2017, trong thời gian học việc tại khoa Nội tổng hợp bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên, H quen biết chị Cao Thị Út H là bác sĩ đang công tác tại Khoa, H nói với H là đang buôn bán tổ yến khắp cả nước, rất nhiều đơn hàng, có đơn hàng vài trăm triệu, có đơn lên đến trên một tỷ đồng, lợi nhuận cao và nhiều lần gọi điện, nhắn tin rủ H góp vốn. Lần đầu H nói H góp 35.000.000 đồng, tiền lợi nhuận là 3.400.000 đồng, đúng hẹn H đưa cho H 38.400.000 đồng. Sau đó từ ngày 23/12/2017 đến ngày 27/5/2018, H đã 12 lần đưa tiền cho H góp vốn mua bán tổ yến, trong đó 05 lần chuyển 47.300.000 đồng vào các tài khoản ngân hàng B số 59010000611175 và tài khoản ngân hàng A số 4600205263735 tên Võ Thị Mỹ H; 01 lần chuyển 10.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng B số 59010000517255 tên Huỳnh Thị Hồng L, 03 lần đưa trực tiếp cho H 52.700.000 đồng và 02 lần đưa 13.000.000 đồng cho Huỳnh N T, 01 lần đưa 22.000.000 đồng cho Huỳnh Thị Hồng L, tổng số tiền là **145.000.000** đồng. H nhận tiền không sử dụng mua bán tổ yến, không trả lại tiền góp và lợi nhuận như đã hứa mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 6: Khoảng đầu năm 2018, H nói với chị Phan Thị Thảo N đang mua bán tổ yến lợi nhuận cao, có nhiều đơn hàng, hiện đang thiếu vốn nên rủ N góp tiền mua bán tổ yến, H sẽ chia lợi nhuận cao. H tự đặt giá tiền đơn hàng rồi rủ N chuyển tiền góp vốn. Tin tưởng H, từ ngày 11/01/2018 đến ngày 21/01/2018, N đã 02 lần chuyển cho H số tiền 34.100.000 đồng vào tài khoản ngân hàng B số 59010000611175 tên Võ Thị Mỹ H, một lần gửi 14.000.000 đồng qua dịch vụ phát nhanh tên người nhận là Huỳnh N T và chuyển 24.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng B số 59010000475849 tên Huỳnh

Trọng Kiên, tổng số tiền là **72.100.000 đồng.** H nhận tiền không sử dụng mua bán tổ yến mà chiếm đoạt. Chị N phát hiện nhiều lần yêu cầu trả tiền thì H trả cho chị N **30.000.000đồng.**

Vụ thứ 7: Khoảng đầu tháng 2/2018, H nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin nói với chị Nguyễn Thị Diễm P là H mua bán tổ yến đã lâu, số lượng lớn, lợi nhuận cao, có nhiều khách hàng đặt mua tổ yến nhưng thiếu vốn nên rủ P góp vốn. H nói P góp thử một hai đơn hàng nhỏ nếu thấy được thì cùng góp vốn. Lần đầu H nói P góp 3.200.000 đồng, tiền lợi nhuận là 600.000 đồng, đúng hẹn H đưa cho P 3.800.000 đồng. Tin tưởng H buôn bán tổ yến, từ ngày 25/2/2019 đến ngày 20/3/2019, P đã 04 lần chuyển 131.800.000 đồng cho H qua các tài khoản ngân hàng B số 59010000611175 và tài khoản ngân hàng A số 4605205166687 tên Võ Thị Mỹ H và một lần chuyển cho H 9.600.000 đồng vào tài khoản ngân hàng A số 4605220006160 tên Huỳnh N T, tổng số tiền là **141.400.000 đồng.** Sau khi nhận tiền, H không sử dụng mua bán tổ yến mà chiếm đoạt. Chị P phát hiện yêu cầu trả tiền thì H trả cho P **10.000.000 đồng.**

Vụ thứ 8: Khoảng tháng 01/2018, H nhiều lần gọi điện, nhắn tin rủ chị Nguyễn Thị Kim H góp tiền mua bán tổ yến, H hứa sẽ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận đầy đủ. Sau đó, H liên tục thông báo có đơn hàng mới và rủ Kim H góp tiền mua bán tổ yến. Tin lời H, từ ngày 15/02/2018 đến ngày 25/7/2018, Kim H đã 03 lần chuyển 142.200.000 đồng qua tài khoản ngân hàng A số 4600205263735 tên Võ Thị Mỹ H và chuyển 44.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng B số 59010000233126 tên Nguyễn Thị Lan Phương và gửi 100.000.000 đồng qua dịch vụ xe buýt tuyến Tuy H - S cho H, tổng số tiền là **286.200.000 đồng.** Sau khi nhận tiền, H không sử dụng mua bán tổ yến mà chiếm đoạt. Chị Kim H nhiều lần yêu cầu trả tiền thì H trả cho Kim H **7.000.000 đồng.**

Vụ thứ 9: Khoảng tháng 02/2018, H gọi điện thoại, nhắn tin rủ chị Phạm Thị Lạc góp tiền mua bán tổ yến, H nói nhờ góp tiền mua bán tổ yến với H mà nhiều người có cuộc sống khá lên và vì thấy Lạc khó khăn nên muốn giúp Lạc kiếm thêm thu nhập. H tự đặt ra giá tiền của đơn hàng và rủ Lạc góp tiền. Tin H mua bán tổ yến Lạc đồng ý, trong tháng 02 và tháng 03/2018 Lạc đã đưa cho H 23.000.000 đồng và hai lần chuyển số tiền 98.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng B số 59010000611175 tên Võ Thị Mỹ H cho H, tổng số tiền là **121.000.000 đồng.** H nhận tiền, không sử dụng mua bán tổ yến mà chiếm đoạt. Chị Lạc phát hiện nhiều lần yêu cầu trả tiền thì H trả cho Lạc **37.000.000 đồng.**

Vụ thứ 10: Khoảng tháng 01/2018, H nhiều lần điện thoại, nhắn tin nói với chị Nguyễn Thị Mỹ Lệ đang buôn bán tổ yến có lợi nhuận cao và rủ Lệ góp tiền, hứa sẽ đưa lại tiền vốn góp và tiền lợi nhuận cao. Lần đầu H nói Lệ góp đơn hàng 12.000.000 đồng, tiền lợi nhuận là 4.000.000 đồng, đúng hẹn H đưa cho chị Lệ 16.000.000 đồng. Sau đó, H tiếp tục thông báo có đơn hàng và rủ Lệ góp tiền, Lệ tin tưởng đồng ý, trong tháng 3 và 4/2018 Lệ đã 06 lần chuyển tiền cho H vào tài khoản ngân hàng B số 59010000611175 tên Võ Thị Mỹ H, tổng số tiền là **268.800.000 đồng**. H nhận tiền không sử dụng mua bán tổ yến mà chiếm đoạt. Chị Lệ nhiều lần yêu cầu trả tiền thì H trả cho Lệ **44.000.000 đồng.**

Vụ thứ 11: Khoảng tháng 04/2018, H gọi điện thoại và gặp nói với chị Hoàng Thị N là H đang mua bán tổ yến lợi nhuận cao, hiện có nhiều đơn đặt hàng nhưng H không đủ tiền nên rủ chị N góp tiền mua bán tổ yến, H hứa sẽ trả lại tiền góp và lợi nhuận cao. Lần đầu H nói N đưa 6.400.000 đồng, lợi nhuận 12.000.000 đồng, đúng hẹn H đưa cho N 8.400.000 đồng. Từ ngày 17/4/2018 đến ngày 27/4/2018 N đã 04 lần chuyển tiền cho H vào các tài khoản ngân hàng B số 59010000611175; tài khoản ngân hàng A số 4605205166687 tên Võ Thị Mỹ H, tổng số tiền là 114.000.000 đồng. H nhận tiền, không sử dụng mua bán tổ yến, trả tiền góp vốn, tiền lợi nhuận cho N như đã hứa mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 12: Khoảng đầu tháng 06/2018, H gọi điện thoại, nhắn tin cho Phan Hữu H nói đang kinh doanh mua bán tổ yến, lấy từ Nha Trang, Phú Yên giá thấp sau đó bán lại giá cao, nhiều lợi nhuận và rủ H góp tiền mua bán tổ yến, hứa sẽ trả đầy đủ tiền góp và tiền lợi nhuận. Tin lời H, từ ngày 07/6/2018 đến ngày 09/6/2018, H 04 lần chuyển tiền cho H qua các tài khoản ngân hàng B do H cung cấp gồm, tài khoản số 4600205266710 tên Lê Thị N T 35.000.000 đồng; tài khoản số 58110000091975 tên Bùi Thị Cẩm N 25.000.000 đồng và tài khoản số 59010000611175 tên Võ Thị Mỹ H 16.000.000 đồng. Sau đó, H tiếp tục nói dối với H là phải chuyển 20.000.000 đồng để H nộp vào công ty kinh doanh tổ yến mà H có cổ phần để rút ra 120.000.000 đồng tiền ứng trả cho H, H chuyển tiếp vào tài khoản ngân hàng của H 20.000.000 đồng. Tổng cộng H đã chuyển cho H là **96.000.000 đồng,** sau khi nhận tiền, H không sử dụng mua bán tổ yến mà chiếm đoạt.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2019/HS-ST ngày 24/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Thị Mỹ H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng Điểm a, Khoản 4 điều 174; Điểm b, n, s, Khoản 1 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52 Bô luật Hình sự;

Phạt: Bị cáo Võ Thị Mỹ H 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 3 tháng 01 năm 2020, bị cáo Võ Thị Mỹ H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng quá trình điều tra, truy tố xét xử sơ thẩm chưa công minh. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm hình phạt cho bị cáo, vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Mặt khác, Luật sư cho rằng trong vụ án này có một số vi phạm thủ tục tố tụng tuy nhiên không làm thay đổi bản chất vụ án, không làm oan bị cáo nhưng có sai phạm đề nghị huỷ Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm điều tra lại.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, để trở về lao động kiếm tiền trả lại cho các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét ý kiến của Luật sư, quan điểm của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo thừa nhận hành vi và số tiền đã nhận của 13 người hại là đúng như Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là đúng. Trong đơn kháng cáo, bị cáo kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Toà phúc thẩm xem xét lại vì quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm chưa công minh. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo bổ sung nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, vì bị cáo hoàn cảnh khó khăn, xin giảm hình phạt để

sớm trở về lao động kiếm tiền trả lại cho các bị hại. Bị cáo chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo. Trong vụ án này, Hội đồng xét xử sẽ xem xét nhận định về các ý kiến của bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo nêu ra, như sau:

[2] Về người bào chữa cho bị cáo ở giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm: Từ khi khởi tố vụ án, Luật sư Nguyễn Hoài P không còn bào chữa cho bị cáo Võ Thị Mỹ H, nên Cơ quan điều tra đã yêu cầu Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên phân công và Văn phòng Luật sư Huy Hoàng đã cử Luật sư Huỳnh Thị T tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa cho bị cáo trong suốt quá trình điều tra, truy tố (Bl 420, 421, 423). Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Võ Thị Mỹ H từ chối Luật sư Huỳnh Thị T bào chữa cho bị cáo, lý do: Bị cáo đã nhờ Luật sư Nguyễn Hoài P bào chữa và được Tòa án chấp nhận, nên bị cáo từ chối Luật sư Huỳnh Thị T bào chữa cho bị cáo. Xét sự từ chối người bào chữa cho bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 77 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấm dứt việc chỉ định người bào chữa cho bị cáo H. Còn luật sư Nguyễn Hoài P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi luận cứ bào chữa cho bị cáo.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Yên, của Điều tra viên trong quá trình giải quyết vụ án, theo Luật sư Nguyễn Hoài P là người bào chữa của bị cáo cho rằng, đã có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về quyền bào chữa và quá trình tố tụng với bị cáo. Hội đồng xét xử, thấy: Khi giải quyết đơn tố giác về tội phạm, người bị tố giác là Võ Thị Mỹ H nhờ Luật sư Nguyễn Hoài P để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho H; ngày 03/10/2018 thay vì Thông báo về việc đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị tố giác theo Điều 83 Bộ luật Tố tụng hình sự; Cơ quan điều tra lại ban hành Văn bản Thông báo đăng ký người bào chữa, đồng ý để Luật sư bào chữa cho H; về nguyên tắc "Văn bản thông báo người bào chữa có giá trị sử dụng trong suốt quá trình tham gia tố tụng", trừ các trường hợp quy định tại Điểm a, b, Khoản 6 Điều 78 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Nhưng đến ngày 26/11/2018, sau khi có Quyết định khởi tố vụ án hình sự, thay vì hướng dẫn cho người tham gia tố tụng, nếu xét thấy thủ tục cấp thông báo cho người bào chữa cần bổ sung, thì Cơ quan điều tra lại ban hành Văn bản trả lời kiến nghị cho Văn phòng Luật sư B có nội dung: Từ thời điểm khởi tố vụ án, tư cách tham gia tố tụng của Luật sư Nguyễn Hoài P là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị tố giác đương nhiên chấm dứt là chưa phù hợp. Tuy nhiên, để đảm bảo

quyền và lợi ích hợp pháp cho bị can, Cơ quan điều tra đã yêu cầu Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên phân công; và Văn phòng Luật sư Huy Hoàng đã cử Luật sư Huỳnh Thị T bào chữa cho bị cáo, trong suốt quá trình điều tra, truy tố bị cáo thống nhất không khiếu nại gì về người bào chữa; do đó việc điều tra, thu thập chứng cứ của Cơ quan điều tra đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định, nên các chứng cứ thu thập được đều đảm bảo giá trị chứng minh và hợp pháp, chứ không vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

[4] Quá trình điều tra, giải quyết vụ án, mặc dù bị cáo Võ Thị Mỹ H không giải thích được bị cáo đã mua bán tổ yến với ai, ở đâu? Chỉ khai mua của bà Hương, bán cho anh Hoàng nhưng không nhớ cụ thể, tại sao có lãi, nhưng lại không trả tiền cho các bị hại. Tuy nhiên, tại phiên toà sơ thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố là đúng và tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo thừa nhận hành vi, tổng số tiền chiếm đoạt của các bị hại như bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra ngoài các Biên bản hỏi cung thì có tới 04 Bản tự khai (BL 402, 403, 404, 405), bị cáo đã thừa nhận: *"Do không có tiền trả nợ, trả lãi cho A T và lợi nhuận cho A Đ nên tôi đã nảy sinh ý định là hùn vốn mua bán tổ yến cùng với chị N, chị N, chị Lê nhưng thực chất mua bốn lần yến còn lại sử dụng trả lãi và lợi nhuận cho A Đ, A T..."*, *"cuối năm 2016, tôi không có tiền mua bán tổ yến nên tôi đã vay của anh T... cuối năm 2017 tôi không còn khả năng chi trả gốc và lãi cho anh T nên tôi đã nảy sinh ý định gặp gỡ những người thân quen để nói tôi buôn bán yến và đã có đơn hàng của tôi đã chốt và còn một số dư nên tôi có bảo A Đ đưa tiền.."*, "*tổng số tiền là 131.000.000 đồng tôi không sử dụng số tiền A Đ buôn bán yến mà trả nợ cho A T"*. Trong 07 Biên bản ghi lời khai (BL 573-576; 577, 578; 579-581; 589-591), tại biên bản ghi lời khai ngày 01 tháng 8 năm 2018, bị cáo thừa nhận: Khoảng tháng 12/2017, tôi gặp chị N và rủ chị N góp vốn để mua bán tổ yến kiếm thêm thu nhập… tôi đã nhận tiền của chị N, ... nhưng thực tế sau khi nhận được 6.000.000 đồng tôi không thực hiện việc mua tổ yến mà giữ lại trong tài khoản ngân hàng của tôi và 7 ngày sau chuyển lại cho chị N 9.000.000 đồng (tôi bỏ thêm tiền cá nhân của mình 3 triệu để chị N tin là tôi bán được tổ yến) (BL 573-576); Tại biên bản ghi lời khai ngày 01 tháng 8 năm 2018, bị cáo thừa nhận: Do vay của nhiều người, do thanh toán lãi suất không có khả năng chi trả, bị nhiều người đòi nên tôi có nói và trao đổi với chị N, chị N, chị Lệ góp vốn buôn bán tổ

yến nhưng thực chất số tiền vay được đem đi trả lãi cho các cá nhân khác mà tôi vay (BL 577-578); Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/8/2018, bị cáo khai nhận: tôi đã nhận của chị Lệ là 278.000.000 đồng để mua tổ yến nhưng tôi đã không sử dụng tiền vào việc mua tổ yến mà sử dụng vào việc trả nợ của bản thân. Tôi đã hoàn trả cho chị Lệ 56.000.000 đồng, trong đó 49.000.000 đồng tiền gốc, 7.000.000 đồng tiền lợi nhuận nhưng thực tế tiền lợi nhuận là do tự tôi bỏ ra để Lệ tin là tôi đã bản tổ yến. Do nhiều lần bị hối thúc nên tôi đã gửi lại Lệ 4 triệu và hẹn sau khi khách mua thanh toán sẽ hoàn trả đầy đủ gốc và lợi nhuận. Nhưng hiện nay tôi đã sử dụng toàn bộ tiền vào việc trả nợ của bản thân. Vậy hiện nay tôi nhận của Lệ là 225.000.000 đồng (BL 579, 580, 581). Tại Biên bản hỏi cung sau khi kết thúc điều tra ngày 31 tháng 10 năm 2019 (Bút lục 1767, 1768) có luật sư Huỳnh Thị T tham gia), bị cáo đã thừa nhận đã nhận của 13 người với tổng số tiền 4.643.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội là phù hợp với nhau; phù hợp với các tin nhắn giữa bị cáo với các bị hại; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, được Cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định, hoàn toàn khách quan, có giá trị chứng minh và đảm bảo các thuộc tính của chứng cứ. Nên có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 04/2017 đến tháng 06/2018, Võ Thị Mỹ H đã đưa ra thông tin gian dối là đang mua, bán tổ yến có lãi, cần nhiều vốn để kinh doanh và sử dụng điện thoại, tin nhắn rủ rê các bị hại góp vốn, hứa sẽ trả lợi nhuận cao, để các bị hại tin tưởng đưa tiền, H liên tục gọi điện thoại, nhắn tin rủ, tự đặt ra đơn hàng, đưa ra mức tiền lãi cao rồi đưa cho các bị hại xem; những đơn hàng đầu để tạo lòng tin H kêu gọi người bị hại góp số tiền ít và được H trả gốc và lợi nhuận đúng hạn như đã hứa; sau khi thấy người bị hại đã tin tưởng, H yêu cầu họ chuyển số tiền nhiều hơn, nhận được tiền H không sử dụng mua, bán tổ yến và trả tiền lợi nhuận như đã hứa, mà chiếm đoạt số tiền 4.643.000.000 đồng của 13 người bị hại, cụ thể: Lê Thị N T 218.000.000 đồng; Lê Thị N AT 1.848.900.000 đông; Lê Thị N T1 795.000.000 đồng; Nguyễn Thị Tuyết N 405.600.000 đồng; Nguyễn Trinh Đ 131.000.000 đồng; Cao Thị Út H 145.000.000 đồng; Phan Thị Thảo N 72.100.000 đồng; Nguyễn Thị Diễm P 141.400.000 đồng; Nguyễn Thị Kim H 286.200.000 đồng; Phạm Thị Lạc 121.000.000 đồng; Nguyễn Thị Mỹ Lệ 268.800.000 đồng; Hoàng Thị N 114.000.000 đồng và Phan Hữu H 96.000.000 đồng. Tội phạm hoàn thành kể từ thời điểm bị cáo đưa ra thông tin gian dối và nhận được tiền của những người bị

hại tin tưởng giao cho bị cáo; do đó, Bản cáo trạng số 17/CT-VKS-P1 ngày 08/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đã truy tố và Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Võ Thị Mỹ H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Điểm a, Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Bị cáo Võ Thị Mỹ H là người có đầy đủ năng lực nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm. Nhưng vì lợi ích cá nhân, thái độ xem thường pháp luật, đã lợi dụng sự tin tưởng để chiếm đoạt tiền của người bị hại. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điểm g, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo cũng khai rõ hành vi phạm tội của bản thân là thành khẩn khai báo, đã khắc phục trả lại cho 08 người bị hại số tiền **309.550.000 đồng;** trong thời gian thực hiện hành vi phạm tội từ tháng 02 đến tháng 06 năm 2018 bị cáo đang có thai, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, n, s, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phù hợp và quyết định xử phạt bị cáo 16 năm tù là tương xứng với tính chất hành vi và hậu quả của tội phạm do bị cáo gây ra. Trong giai đoạn phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Lý do bị cáo đưa ra là hoàn cảnh gia đình khó khăn không phải là tình tiết giảm nhẹ nên yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Về phần dân sự, bị cáo đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện trở về lao động kiếm tiền trả đầy đủ cho các bị hại, ngoài ra không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Từ những vấn đề phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án có căn cứ và đúng pháp luật, kháng cáo của bị cáo không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà nẵng phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận: Bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Luật sư đề nghị huỷ bản án sơ thẩm, giao về cấp sơ thẩm điều tra lại, không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì ngay trong luận cứ bào chữa của mình, Luật sư đã khẳng định tuy cấp sơ thẩm có sai sót vi phạm tố tụng

nhưng không làm thay đổi bản chất vụ án, không làm oan bị cáo. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm hình sự theo quy định tại Điều 135 Bộ luạt tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH K14 về án phí lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thị Mỹ H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điểm a, Khoản 4 điều 174; Điểm b, n, s, Khoản 1 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Mỹ H 16 (Mười sáu) năm tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo Võ Thị Mỹ H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí phúc thẩm hình sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Phú Yên;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Cường